

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VÙNG TÂY NAM BỘ TRONG TIẾN TRÌNH ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA<sup>(\*)</sup>

ThS. Hoàng Mạnh Tường<sup>(\*\*)</sup>

## 1. Chất lượng nguồn nhân lực vùng Tây Nam bộ

Vùng Tây Nam bộ của nước ta là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu của khu vực Đông Nam Á và thế giới. Diện tích tự nhiên toàn vùng là 40.575 km<sup>(1)</sup>. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2013, dân

số toàn vùng là 17.478.900 người, chiếm gần 20% dân số cả nước, là vùng có dân số đứng thứ 3 trong 6 vùng kinh tế<sup>(2)</sup> của cả nước (sau Đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung). Quy mô lực lượng lao động của vùng Tây Nam bộ đứng thứ 2 cả nước (chỉ sau vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung), với 10.322,9<sup>(3)</sup> nghìn người, chiếm 19,4% lực lượng lao động cả nước và chiếm 59% dân số toàn vùng. Trong cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên của Vùng, số lao động trong độ tuổi 35 - 54 chiếm tỷ lệ cao nhất (46,6%), kế tiếp là lao động ở độ tuổi từ 15 - 34 (38,2%). Điều này cho thấy, vùng Tây Nam bộ đang có lợi thế lớn cả về số lượng và cơ cấu lực lượng lao động so với các vùng trong cả nước. Đây cũng là điều kiện thuận lợi cho vùng trong việc đào tạo, sử dụng, phát huy nguồn lực trẻ để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH.

Mặc dù có quy mô dân số và lực lượng lao động đông so với các vùng trong cả nước, nhưng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo lại thấp nhất nước (chỉ chiếm 10,5%)<sup>(4)</sup>. Như vậy, trong tổng số 10.322,9 nghìn lao động,

(\*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước: "Phát triển NNL vùng Nam bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH" - Mã số KX03.19/11-15

(\*\*) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

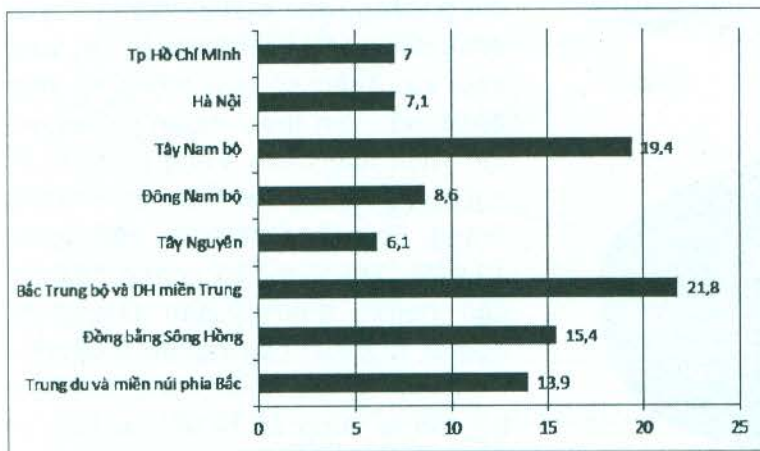
(1) <http://www.vietrade.gov.vn/vung-kinh-te-trong-diem-dbscl/2403-vi-tri-vai-tro-tiem-nang-va-the-manh-cua-vung-kinh-te-trong-diem-vung-dbscl.html>

(2) Do đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, nên trong các Báo cáo điều tra lao động việc làm đã sử dụng phân vùng kinh tế - xã hội của cả nước thành 8 vùng, bao gồm 6 vùng kinh tế - xã hội, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, trong đó Đồng bằng Sông Hồng không bao gồm Hà Nội và Đông Nam bộ không bao gồm Tp. Hồ Chí Minh

(3) và (4) Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2013, tr.13 và 17



**Hình 1: Phân bố lực lượng lao động theo vùng năm 2013**  
ĐVT: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013

chỉ có khoảng 1.017 nghìn lao động đã qua đào tạo.

Trong cơ cấu lao động đã qua đào tạo, hiện vùng Tây Nam bộ chỉ có 2,7% lao động có trình độ dạy nghề, 2,6% trung cấp, 1,2% cao đẳng, 4% đại học trở lên; số lao động có trình độ từ đại học trở lên còn thấp tương quan với các trình độ dạy nghề, trung cấp, cao đẳng. Những số liệu trên cho thấy, cơ cấu nguồn nhân lực (NNL) vùng Tây Nam bộ chưa hợp lý và chất lượng NNL còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước (trong khi đó, chất lượng NNL của cả nước còn thấp so với khu vực và thế giới). Điều này đang là một trong những nút thắt cản trở quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế của Vùng.

Bên cạnh những hạn chế về cơ cấu nêu trên, điều đáng mừng là chất lượng NNL của Vùng trong những năm gần đây không ngừng được cải thiện. Theo kết quả điều tra lao động

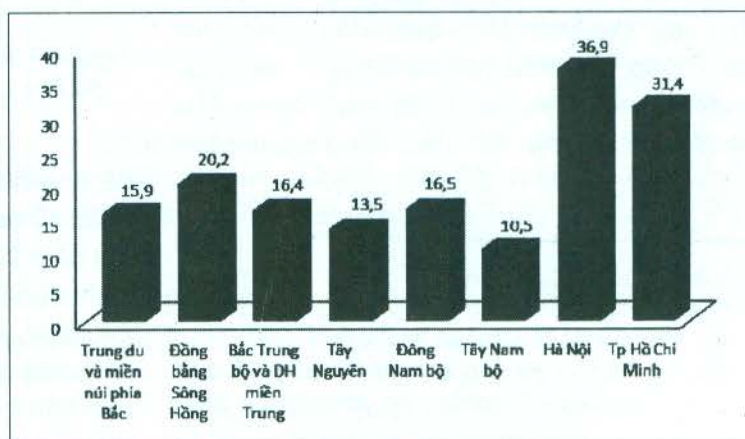
và việc làm, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo và không có bằng chứng chỉ chuyên môn trong 5 năm trở lại đây có xu hướng giảm, từ 94,6% (năm 2009) xuống 89,5% (năm 2013) (xem Hình 3). Mặc dù đây vẫn là tỷ lệ cao nhất nước, nhưng trong hoàn cảnh giáo dục – đào tạo của Vùng vẫn chưa có nhiều cải thiện thì kết quả này cũng đáng khích lệ và là động lực để cho các tỉnh trong Vùng vươn lên.

Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có trình độ từ đại học trở lên gia tăng khá nhanh, từ 2,9% (năm 2010) lên 4,5% (năm 2014), tăng gấp 1,55 lần

trong vòng 5 năm trở lại đây; tỷ lệ giới tính trong lực lượng lao động ngày càng cân bằng hơn. Điều này cho thấy, phụ nữ vùng Tây Nam bộ đã tích cực tham gia thị trường lao động, ngay cả trong thị trường lao động chất lượng cao.

## 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu và chất lượng NNL vùng Tây Nam bộ

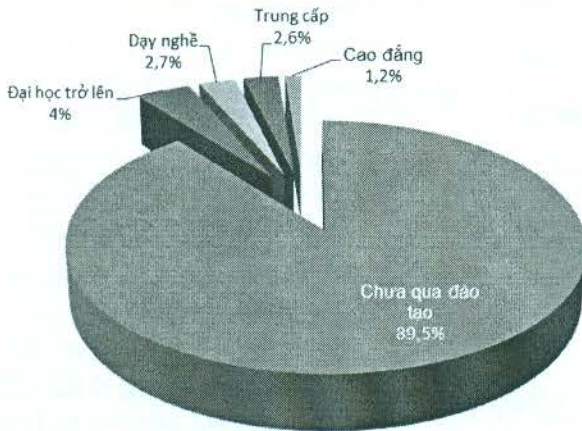
**Hình 2: Tỷ lệ lao động các vùng đã qua đào tạo năm 2013**  
ĐVT: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013



**Hình 3: Tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo vùng Tây Nam bộ năm 2013**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013

### Một là, tỷ lệ đói nghèo cao và chất lượng sống của người dân thấp

Tây Nam bộ là vùng giàu tiềm năng phát triển vào loại bậc nhất của cả nước; có vai trò quan trọng đối với Nam bộ và cả nước trong phát triển kinh tế, hợp tác đầu tư và giao thương với các nước trong khu vực và thế giới. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước ta, hàng năm đóng góp 27% GDP, sản xuất 50% sản lượng lúa, 90% lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng trái cây, 60% kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản của cả nước<sup>(5)</sup>... Tuy vậy, thu nhập bình quân đầu người của toàn vùng vẫn thấp hơn so với bình quân cả nước. Năm 2014, thu nhập bình quân đầu người ước đạt gần 35 triệu đồng/người/năm

<sup>(5)</sup> Lâm Quân, *Giải pháp để CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long*, Tạp chí Cộng sản, số 11/2014

<sup>(6)</sup> Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, *Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013*

<sup>(7)</sup> Phạm Mỹ Duyên, *Giảm nghèo bền vững vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong quá trình CNH, HĐH*, Tạp chí Cộng sản, số 9/2014

(cả nước khoảng 43,4 triệu/người/năm). Tỷ lệ nghèo đói cao vẫn phổ biến ở các địa phương, đặc biệt ở những nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, xa. Theo số liệu thống kê năm 2013, nếu tính theo chuẩn nghèo mới thì nhiều tỉnh trong Vùng có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo khá cao, như Sóc Trăng: hộ nghèo 16,99%, cận nghèo 13,94%; Trà Vinh: hộ nghèo 16,64%, cận nghèo 8,90%; Hậu Giang: hộ nghèo 11,58%, cận nghèo 8,68%<sup>(6)</sup>;... Bên cạnh đó, so với cả nước, Tây Nam bộ còn là vùng có tỷ lệ nhà kiên cố thấp nhất và tỷ lệ nhà tạm cao nhất (tỷ lệ nhà kiên cố chỉ chiếm 11% tổng số hộ, nhà bán kiên cố chiếm 51,4%, nhà thiếu kiên cố chiếm 20,8%, nhà tạm chiếm 16,8%<sup>(7)</sup>). Chính tỷ lệ đói nghèo cao và những khó khăn về điều kiện sống

**Bảng: Tỷ lệ người có trình độ đại học trong tổng số lao động vùng Tây Nam bộ DVT: %**

Năm	Chung	Nam	Nữ
2010	2,9	3,3	2,4
2011	3,4	3,8	2,9
2012	3,4	3,6	3,3
2013	4,0	4,1	3,8
2014	4,5	4,8	4,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng hợp từ Báo cáo điều tra lao động việc làm từ năm 2010 - 2014

đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư cho nhân tố con người ở khu vực này. Tính đến hết năm 2014, vùng Tây Nam bộ mới đạt 172 sinh viên/vạn dân (bình quân của cả nước là 240 sinh viên/vạn dân). Trong lĩnh vực y tế, tỷ lệ bác sĩ và dược sĩ có trình độ đại học tại các tỉnh vùng Tây Nam bộ hiện còn ở mức thấp so với cả nước, bình quân chỉ có 4,8 bác sĩ và 0,41 dược sĩ/vạn dân. Ngoài thành phố Cần Thơ (9,1 bác sĩ/vạn dân) và tỉnh Cà



**Hình 4: Xu hướng biến đổi lao động chưa qua đào tạo vùng Tây Nam bộ**



Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam từ năm 2009 - 2013

Mau (7 bác sĩ/vạn dân), các địa phương còn lại đều không đạt chỉ tiêu quy định (tỉnh Sóc Trăng chỉ đạt 3,7 bác sĩ/vạn dân, tỉnh Hậu Giang 4,05 bác sĩ/vạn dân), số xã có bác sĩ hiện mới chỉ đạt 71%. Hiện nay, vùng Tây Nam bộ còn thiếu đến 3.048 bác sĩ và 655 được sĩ đại học<sup>(6)</sup>. Đây được coi là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến cơ cấu và chất lượng NNL, làm hạn chế tiến trình CNH, HĐH khu vực này.

**Hai là, ý thức nâng cao trình độ học vấn của người dân và hiệu quả giáo dục các cấp còn thấp**

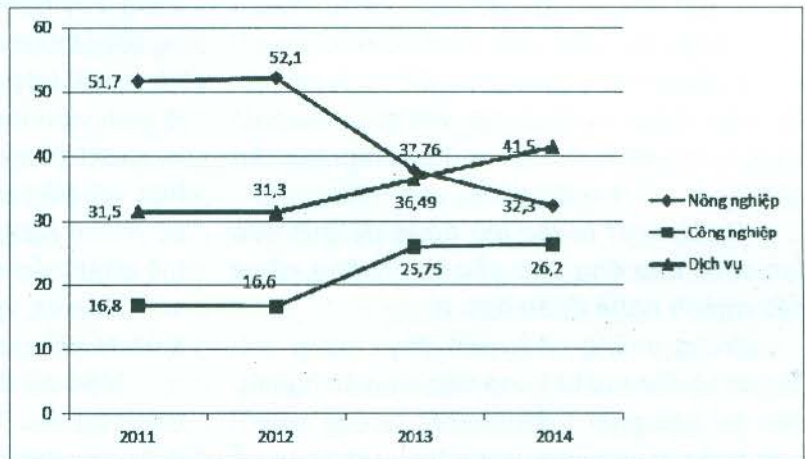
<sup>(6)</sup> <http://www.qdnd.vn/qdndsites/vi-vn/61/43/kinh-te-xa-hoi/thieu-hut-nguon-luc-y-te-o-dong-bang-song-cuu-long-can-co-chinh-sach-giai-phap-phu-hop/321662.html>

<sup>(9)</sup> Trần Ngọc Thêm (Chủ biên), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam bộ*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 759

Vùng Tây Nam bộ là “nơi gặp gỡ của những điều kiện tự nhiên thuận lợi mà cũng có phần khắc nghiệt”. Điều kiện tự nhiên giúp con người không phải lo xa mà có thể tập trung quan tâm đến cái trước mắt<sup>(9)</sup>. Phần đông người dân có ruộng, có vườn, nên cuộc sống ít vất vả, cực nhọc như cư dân miền Bắc, miền Trung. Có lẽ vì vậy, người dân thường có suy nghĩ đơn giản, ít có sự nhìn xa trông rộng để có sự đầu tư cho con cái trong tương lai về vấn đề học

hành, sự nghiệp. Cho đến nay, tình trạng

**Hình 5: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Tây Nam bộ**



Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012 và Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội vùng Tây Nam bộ năm 2013, 2014 của Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ

này vẫn không được cải thiện là bao so với trước đây. Hiện nay, xét theo “tỷ lệ biết chữ của người lớn” thì Tây Nam bộ đứng hàng thứ 6/8 vùng (đứng trên Tây Nguyên và Tây Bắc); còn nếu xét theo tiêu chí “số người có trình độ đại học trở lên” và “tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục” thì Tây Nam bộ đứng



cuối cùng trong 8 vùng của cả nước<sup>(10)</sup>. Bên cạnh đó, do điều kiện kinh tế - xã hội của người dân trong vùng còn gặp nhiều khó khăn, cùng với địa hình sông nước nên hệ thống giáo dục ở Tây Nam bộ luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, từ cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập đến đội ngũ cán bộ, giáo viên... đều chưa đáp ứng được nhu cầu. Chính những điều trên đã làm cho hiệu quả giáo dục các cấp đều thấp: “tiểu học 56,68% (cả nước 77,57%), trung học cơ sở là 51% (cả nước 70%), trung học phổ thông là 61,17% (cả nước 78%). Tỷ lệ học sinh học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học mới đạt 31 người/1 vạn dân (thấp nhất cả nước)”<sup>(11)</sup>. Đây chính là nguyên nhân làm cho trình độ dân trí khu vực này thấp và tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao. Theo đánh giá của một số chuyên gia, với thực trạng này, vùng Tây Nam bộ tụt hậu 5 năm so với cả nước và ít nhất 10 năm so với Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam bộ. Do vậy, để sớm theo kịp với các khu vực khác trong cả nước, vùng Tây Nam bộ cần sớm khắc phục những hạn chế trên.

**Ba là, chất lượng lao động đã qua đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu thị trường và cơ cấu ngành nghề thiếu hợp lý**

Trong những năm gần đây, mạng lưới các cơ sở đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp đến đại học phát triển nhanh, nhưng so với bình quân chung cả nước, với quy mô dân số và mục tiêu khai thác tiềm năng của Vùng

thì còn quá mỏng. Tính đến tháng 7/2014 cả vùng có 42 trường đại học, cao đẳng và 37 trường trung cấp nghề, 129 trung tâm dạy nghề và 189 cơ sở khác có tham gia dạy nghề<sup>(12)</sup>. Hiện nay, 10/13 tỉnh trong vùng có trường đại học, tất cả các tỉnh đều có trường cao đẳng. Tuy vậy, nhiều cơ sở đào tạo của Vùng (chủ yếu là đại học và cao đẳng) vừa được nâng cấp hoặc thành lập mới nên thiếu trang thiết bị, phương tiện dạy học. Bên cạnh đó, lực lượng giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục của những cơ sở giáo dục này vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn và non nớt về kinh nghiệm giảng dạy, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Chính điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo NNL phục vụ cho khu vực. Hơn nữa, cơ cấu đào tạo NNL vùng Tây Nam bộ còn thiếu tính hợp lý. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ sinh viên vùng Tây Nam bộ theo học các ngành nông nghiệp, thủy sản bậc đại học chỉ khoảng 10% và cao đẳng hơn 5%, trong khi đó hơn 30% tỷ lệ sinh viên theo học các ngành kinh tế, 20% kỹ thuật công nghệ<sup>(13)</sup>. Điều này không phù hợp với điều kiện thực tế của vùng Tây Nam bộ (nông nghiệp và thủy sản là ngành có lợi thế phát triển của vùng).

**Bốn là, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra chậm**

Mặc dù đã có sự chuyển dịch đáng kể trong cơ cấu kinh tế vùng theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản và tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng - dịch vụ, nhưng sự dịch chuyển này vẫn chưa phản ánh được chất lượng tăng trưởng. Bởi vì, sự phát triển của vùng vẫn chủ yếu dựa vào khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, lao động giá rẻ; tình trạng thâm dụng lao động trong các ngành nghề vẫn rất phổ biến. Chẳng hạn, lĩnh vực nông nghiệp đóng góp khoảng 35,5% GDP (năm 2013), nhưng sử dụng gần 50% lực lượng lao động toàn vùng. Toàn vùng có 51 khu công nghiệp và 200

<sup>(10)</sup> Trần Ngọc Thêm (Chủ biên), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam bộ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2014, tr.771

<sup>(11)</sup> <http://thuvienhaugiang.org.vn/DBSCL/chuong1/vainetveconguoidbscl.html>

<sup>(12)</sup> <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=22100>

<sup>(13)</sup> <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/ve-dau-cu-nhan-mien-tay-20150708222841833.htm>



cụm tiểu thủ công nghiệp được quy hoạch, với diện tích 26.500ha, nhưng tỷ lệ lấp đầy khá thấp nên việc thu hút lao động vào lĩnh vực phi nông nghiệp còn hạn chế. Lĩnh vực nông nghiệp tuy có đóng góp nhiều trong tỷ trọng GDP của Vùng, nhưng chưa mang lại giá trị tăng cao; tình trạng được mùa, mất giá và ngược lại vẫn diễn ra hàng năm; các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chưa tạo được thương hiệu mạnh cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trong thu hút FDI, vùng Tây Nam bộ đứng thứ 3 từ dưới lên, chỉ trên vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Chính vì vậy, tỷ lệ di cư lao động hàng năm của Vùng ngày càng tăng. Theo thống kê năm 2013, Tây Nam bộ là vùng có tỷ lệ di cư thuần âm (xuất cư cao hơn nhập cư) lớn nhất cả nước, với  $-4,3\%_{00}$ <sup>(14)</sup>, số lao động còn lại cũng không có việc đầy đủ và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với năng suất và thu nhập thấp.

### **3. Giải pháp nâng cao chất lượng NNL vùng Tây Nam bộ trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH**

Để phát huy tiềm năng của vùng Tây Nam bộ trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH, cần sớm xây dựng hệ giải pháp nhằm đưa vùng Tây Nam bộ sánh ngang với các vùng khác và phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương. Trong đó, nâng cao chất lượng NNL được xem là giải pháp chiến lược, mang tính vừa cấp bách, vừa lâu dài. Để làm được điều này, ***cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:***

*Một là, tăng cường phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao hơn chất lượng sống của người dân*

Vùng Tây Nam bộ có nhiều tiềm năng để phát triển, nhưng thời gian qua, người dân

chưa được thụ hưởng nhiều thành quả từ những tiềm năng này. Tình trạng được mùa – mất giá vẫn diễn ra hàng năm; quá trình đô thị hóa đã thu hẹp dần diện tích canh tác và sự tác động của biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Do vậy, trong thời gian tới, các tỉnh cần xây dựng những chương trình phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, nhằm nâng cao hơn chất lượng sống của người dân. Cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo; tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo phát triển kinh tế gia đình; xem công tác giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần xây dựng các mô hình giảm nghèo gắn với ứng phó hiệu quả đối với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm của người nghèo, hộ nghèo tự vươn lên thoát nghèo, nhằm đảm bảo các hộ nghèo thực sự thoát nghèo một cách bền vững, chống tái nghèo; nhân rộng các mô hình, điển hình làm tốt về công tác giảm nghèo; chủ động lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các chương trình, đề án khác, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo hiệu quả.

*Hai là, tuyên truyền nâng cao ý thức học tập, tự vươn lên của người dân và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục các cấp*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân đưa con em đến trường. Tập trung triển khai chương trình phổ cập giáo dục mầm non, trong đó cần ưu tiên nguồn lực cho giáo dục mầm non ở vùng nông thôn, vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Đối với hệ thống giáo dục phổ thông, cần mở rộng qui mô để nâng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp, triển khai đồng bộ chính sách hỗ trợ thu hút học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đi học, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học.

<sup>(14)</sup> Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2013*, Nxb Thống kê, 2014, tr.102



Từng bước chuẩn hóa, xã hội hóa hệ thống trường, lớp, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện giảng dạy và học tập cho các trường, đặc biệt là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Cùng với đó, cần khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các loại hình đào tạo, dạy nghề, khuyến khích và ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đồng bộ cho trường đại học, trường dạy nghề với các hình thức bán công, dân lập, tư thục và hình thức học nghề tại các cơ sở vừa học vừa làm với quy mô phù hợp.

*Ba là, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm*

Hiện nay, đa số lực lượng lao động toàn vùng chưa qua đào tạo nên việc giải quyết việc làm cho những đối tượng này đang gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, tỉnh nào trong khu vực cũng có trường trung cấp, cao đẳng nghề, nhưng chất lượng đào tạo chưa cao, chủ yếu chạy theo thành tích về số lượng; ngành nghề đào tạo chông chéo, trùng lặp; đào tạo chưa gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu xã hội. Vì vậy, thời gian tới, cần quy hoạch lại mạng lưới các trường nghề, dự báo về nhu cầu NNL trong các ngành nghề của vùng để có những điều chỉnh phù hợp. Trên cơ sở đó, lựa chọn các cơ sở đào tạo để tập trung ưu tiên đào tạo một số ngành nghề nhất định có thể mạnh và tiềm năng về đội ngũ cán bộ, giảng viên, trang thiết bị; thành lập một số cơ sở đào tạo có khả năng đào tạo các ngành nghề mới mà vùng có nhu cầu. Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động liên kết với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài vùng để đào tạo NNL, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và đào tạo đa ngành nghề. Khuyến khích các thành phần kinh tế đào tạo nghề cho công nhân trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và làm dịch vụ ở các ngành nghề khác.

*Bốn là, tăng cường liên kết vùng nhằm*

*đẩy mạnh hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hình thành các khu vực kinh tế trọng điểm để ưu tiên phát triển*

Trong thời gian tới, khu vực Tây Nam bộ cần phấn đấu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh dịch vụ và công nghiệp; cần hướng vào mục tiêu tạo ra nền nông nghiệp hiện đại, ứng dụng khoa học - công nghệ mới, nâng cao năng suất cây trồng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, cần chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa cạnh tranh quốc tế hướng tới chất lượng cao, giá trị gia tăng cao và bền vững trên cơ sở tiếp tục phát huy cao hơn lợi thế về sản xuất lúa gạo, tôm, cá tra, trái cây (cây ăn quả có múi, nhãn, xoài,...). Chú trọng triển khai thực hiện tốt việc liên kết đầu tư, phát triển vùng, nhằm phát triển mạnh những ngành, lĩnh vực mà các tỉnh, thành phố có lợi thế trên cơ sở quy hoạch đồng bộ phát triển kinh tế - xã hội đến quy hoạch ngành, các sản phẩm chủ lực của mỗi địa phương. Việc liên kết vùng cần được thực hiện với sự phân công, phối hợp giữa các địa phương □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội vùng Tây Nam bộ năm 2013, 2014*
2. Hà Thị Thùy Dương, *Đào tạo NNL vùng Đồng bằng Sông Cửu Long – khâu đột phá để đưa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long phát triển*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Đại học KHXH&NV Tp. HCM, 2015
3. Nguyễn Thế Anh, *Nâng cao chất lượng NNL nhằm đưa Đồng bằng Sông Cửu Long phát triển theo hướng bền vững*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Đại học KHXH&NV Tp. HCM, 2015
4. Phan Thuận, *Biến đổi cơ cấu xã hội của NNL đã qua đào tạo ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Đại học KHXH&NV Tp. HCM, 2015